

NHẬN THỨC VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA SINH VIÊN TRONG BẢO VỆ BẢN SẮC VĂN HÓA DÂN TỘC TRƯỚC TÁC ĐỘNG CỦA TOÀN CẦU HÓA VÀ CÔNG NGHỆ SỐ

Đinh Thị Chinh, Võ Phú Hữu
Đại học Cần Thơ

Tóm tắt: Toàn cầu hóa và công nghệ số đang làm biến đổi mạnh mẽ đời sống văn hóa của sinh viên Việt Nam. Không gian học tập, giao tiếp và giải trí chuyển dịch sang môi trường trực tuyến, kéo theo sự thay đổi trong thói quen tiếp nhận thông tin, thang giá trị và cách thể hiện căn tính. Những biến đổi này mở ra cơ hội lớn để người trẻ tiếp cận tri thức, giao lưu đa văn hóa, sáng tạo sản phẩm mới từ chất liệu truyền thống và quảng bá hình ảnh Việt Nam ra thế giới. Tuy nhiên, cùng với cơ hội là sức ép đồng hóa, sự thương mại hóa biểu tượng, sự phân mảnh của trải nghiệm, và rủi ro lệch chuẩn do tin giả, bạo lực mạng, cùng cơ chế thuật toán khuếch đại cảm xúc. Từ góc độ tâm lý xã hội, bản sắc văn hóa dân tộc không phải vật thể bất biến mà là cảm thức thuộc về và hệ giá trị được nội tâm hóa, thể hiện qua lựa chọn, hành vi và cách ứng xử. Vì vậy, bảo vệ bản sắc trong bối cảnh mới cần được hiểu như tăng cường năng lực chọn lọc, năng lực tự chủ và năng lực sáng tạo có trách nhiệm của sinh viên. Bài viết phân tích các dòng tác động của toàn cầu hóa và công nghệ số đến nhận thức bản sắc, chỉ ra những khuynh hướng tích cực và những rủi ro nổi bật, đồng thời đề xuất định hướng giáo dục và can thiệp xã hội nhằm củng cố bản lĩnh văn hóa và phát triển năng lực công dân số cho sinh viên.

Từ khóa: bản sắc văn hóa; sinh viên; tâm lý xã hội; toàn cầu hóa; công nghệ số; công dân số; truyền thông; văn hóa số

STUDENTS' AWARENESS AND RESPONSIBILITY IN PRESERVING NATIONAL CULTURAL IDENTITY UNDER THE IMPACTS OF GLOBALIZATION AND DIGITAL TECHNOLOGY

Abstract: Globalization and digital technologies are transforming Vietnamese university students' cultural life. Learning, communication, and entertainment increasingly take place online, reshaping information habits, value hierarchies, and identity expression. These shifts create opportunities for cross cultural learning, creative reuse of traditions, and wider dissemination of Vietnamese cultural narratives. Yet they also bring homogenization pressure, commodification of symbols, fragmented experience, and risks of norm deviation driven by misinformation, online harassment, and emotion amplifying algorithms. From a social psychological perspective, national cultural identity is not a fixed object but a sense of belonging and an internalized value system manifested in everyday choices and interactions. Protecting cultural identity in this new context should therefore be understood as strengthening students' capacities for critical selection, self-regulation, and responsible creativity. The paper analyzes globalization and digitalization forces shaping students' perceptions, identifies constructive trends and salient risks, and proposes educational and social interventions to reinforce cultural resilience and digital citizenship.

Keywords: cultural identity; university students; social psychology; globalization; digital technology; digital citizenship; media literacy; digital culture

Nhận bài: 30.12.2025

Phản biện: 21.01.2026

Duyệt đăng: 26.01.2026

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế và chuyển đổi số đang tạo ra một môi trường văn hóa mới, nơi các hệ giá trị giao thoa và cạnh tranh mạnh mẽ, tác động nhanh đến sinh viên – nhóm tuổi đang định hình bản sắc, mở rộng quan hệ và chuẩn bị nghề nghiệp. Trong bối cảnh này, bản sắc văn hóa dân tộc vừa là điểm tựa tinh thần định hướng hành vi, vừa là “vốn văn hóa” giúp sinh viên hội nhập tự tin, giao tiếp quốc tế thuyết phục và chuyển hóa truyền thống thành năng lực sáng tạo. Ngược lại, nếu xem nhẹ bản sắc, sinh viên dễ chạy theo xu hướng bề mặt, nhầm lẫn giữa hiện đại và bắt chước, mất điểm tựa trước áp lực môi trường số.

Thực tiễn cho thấy tồn tại song song các dấu hiệu tích cực và đáng lo: nhiều sinh viên chủ động tìm hiểu lịch sử, tham gia hoạt động di sản, phục

hồi văn hóa đọc và ứng dụng công nghệ để kể chuyện văn hóa địa phương; nhưng cũng có bộ phận thờ ơ với tiếng Việt chuẩn mực, coi nhẹ chuẩn mực ứng xử, sùng ngoại như thước đo hiện đại hoặc tranh luận văn hóa theo cảm xúc dẫn đến quy chụp. Trong không gian số, xung đột biểu tượng dễ bùng phát, làm tăng phân cực và suy giảm khả năng đối thoại, khiến vấn đề nhận thức–trách nhiệm không chỉ thuộc văn hóa học mà còn gắn với tâm lý xã hội (cơ chế hình thành thái độ, ảnh hưởng nhóm và tự điều chỉnh hành vi).

Bảo vệ bản sắc hiện nay không phải “đóng băng” truyền thống hay chống giao lưu, mà là phát triển năng lực nhận diện giá trị cốt lõi, thực hành giá trị trong đời sống và sáng tạo để bản sắc tiếp tục sống trong điều kiện mới. Theo đó, sinh

viên giữ vai trò trung tâm: vừa tiếp nhận vừa sản xuất nội dung, tham gia định hình dư luận và lan tỏa hình ảnh Việt Nam qua học thuật, nghề nghiệp và quan hệ quốc tế. Vì vậy, nhận diện đúng các lực tác động và xây dựng giải pháp phù hợp sẽ giúp biến thách thức thành cơ hội, biến bản sắc thành sức mạnh nội sinh của người trẻ

II. CƠ SỞ LÝ LUẬN

2.1. Khung tiếp cận tâm lý xã hội

Nghị quyết 80-NQ/TW của Bộ Chính trị về phát triển văn hóa Việt Nam (ngày 7/1/2026) khẳng định văn hóa là "nền tảng, nguồn lực nội sinh quan trọng, động lực to lớn, trụ cột, hệ điều tiết cho phát triển nhanh và bền vững đất nước". Nghị quyết nhấn mạnh "phát triển toàn diện văn hóa, con người Việt Nam trên nền tảng hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa, hệ giá trị gia đình và chuẩn mực con người Việt Nam", đồng thời chỉ rõ thách thức từ "sự bùng nổ các nền tảng trực tuyến xuyên biên giới kéo theo sự xâm nhập của các yếu tố ngoại lai phản cảm, phi văn hóa gây xung đột giá trị". Trong bối cảnh sinh viên là lực lượng trẻ vừa là chủ thể vừa là trung tâm của đổi mới sáng tạo văn hóa, việc hiểu rõ cơ chế tâm lý - xã hội tác động đến nhận thức và hành vi của họ trở thành yêu cầu cấp thiết.

Trong tâm lý xã hội, bản sắc văn hóa gắn với bản sắc nhóm và cảm thức thuộc về. Cá nhân tự xem mình là thành viên của một cộng đồng, chia sẻ ký ức lịch sử, ngôn ngữ, biểu tượng và chuẩn mực, từ đó hình thành lòng tự trọng tập thể và động cơ hành động phù hợp. Ở lứa tuổi sinh viên, quá trình kiến tạo bản sắc diễn ra mạnh vì họ chuyển từ phụ thuộc sang tự chủ, mở rộng nhóm tham chiếu, thử nghiệm nhiều vai trò và chịu tác động sâu từ truyền thông.

Cơ chế xã hội hóa giải thích cách sinh viên tiếp nhận chuẩn mực từ gia đình, nhà trường, bạn bè và môi trường truyền thông, rồi nội tâm hóa thành tiêu chuẩn tự đánh giá. Cơ chế so sánh xã hội giải thích vì sao sinh viên dễ bị hấp dẫn bởi hình mẫu thành công và hình mẫu hấp dẫn, từ đó nảy sinh xu hướng bắt chước. Cơ chế đồng nhất hóa nhóm và phân biệt nhóm cho thấy, khi cá nhân cảm thấy nhóm mình bị đánh giá thấp, họ có thể phản ứng bằng cách cực đoan hóa, hoặc bằng cách xa rời nhóm để tìm sự thừa nhận ở nơi khác.

Không gian số khuếch đại các cơ chế trên thông qua thuật toán, phần thưởng tương tác và

tốc độ lan truyền. Thuật toán cá nhân hóa có thể tạo bùng nổ, khiến người dùng lặp lại tiếp xúc với cùng một loại thông điệp, từ đó hình thành khẩu vị văn hóa và thái độ ổn định. Phần thưởng xã hội tức thì khuyến khích nội dung gây chú ý, trong khi nội dung cần đọc sâu dễ bị thiệt thòi.

Khung phân tích của bài viết đặt bản sắc trên ba lớp liên kết. Lớp giá trị cốt lõi gồm lòng yêu nước, nhân ái, nghĩa tình, hiếu học, cần cù, trọng danh dự, tôn trọng sự thật và ý thức cộng đồng. Lớp thực hành gồm ngôn ngữ, ứng xử, văn hóa học thuật, thói quen truyền thông, nghi lễ và lối sống. Lớp năng lực hiện đại gồm tư duy phản biện, năng lực truyền thông số, năng lực sáng tạo và năng lực hợp tác liên văn hóa.

2.2. Tác động của toàn cầu hóa và công nghệ số đối với nhận thức bản sắc văn hóa và đời sống văn hóa của sinh viên

Toàn cầu hóa và công nghệ số đang tạo ra những chuyển biến sâu sắc, song hành và tương tác lẫn nhau trong đời sống văn hóa sinh viên. Về mặt tích cực, toàn cầu hóa mở rộng không gian tiếp xúc văn hóa thông qua học ngoại ngữ, tài liệu quốc tế, lớp học trực tuyến xuyên biên giới và môi trường làm việc đa quốc tịch, giúp sinh viên tăng sự cởi mở, giảm định kiến và nhận ra sự tương thích giữa giá trị nhân loại với giá trị Việt Nam.

Tuy nhiên, cả hai xu thế này đều mang theo những rủi ro đáng kể. Toàn cầu hóa thúc đẩy cạnh tranh biểu tượng thông qua công nghiệp giải trí và tiêu dùng, khiến một số sinh viên xem việc bắt chước như con đường nhanh để được thừa nhận, dẫn đến bản sắc bị đồng nhất với hình thức trong khi các giá trị cốt lõi như chữ tín, nghĩa tình, tôn trọng gia đình và cộng đồng bị giảm ưu tiên. Công nghệ số lại làm thay đổi cách sinh viên chú ý và học hỏi - mật độ thông tin cao khiến việc đọc sâu trở nên khó khăn, tri thức lịch sử và văn hóa dễ bị giản lược thành khẩu hiệu hoặc hình ảnh gây ấn tượng.

Sự phân tầng trải nghiệm toàn cầu hóa tạo ra khác biệt nhận thức: sinh viên có cơ hội du học, trao đổi quốc tế nhìn bản sắc như vốn văn hóa và biết chọn lọc, trong khi một số sinh viên chỉ tiếp xúc gián tiếp qua màn hình điện thoại - nơi hình ảnh dễ bị lý tưởng hóa hoặc cắt gọt cảnh - dễ rơi vào hai cực: sùng bái ngoại một chiều hoặc khép kín vì sợ mất mình. Tương tự, văn hóa trình diễn trong không gian số cùng với thuật toán cá nhân

hóa có thể khuyến khích nội dung gây sốc, kéo xuống chuẩn mực ứng xử, và tạo vòng lặp củng cố các thói quen tiêu thụ nội dung thiếu phản biện.

Đặc biệt đáng lo ngại là sự suy giảm chuẩn mực ngôn ngữ và lan truyền thông tin sai lệch. Ngôn ngữ mạng tạo ra những sáng tạo mới nhưng cũng làm tăng viết sai, từ tục hóa và biểu đạt thô, ảnh hưởng đến khả năng tư duy và đối thoại. Tin giả, nội dung bóp méo lịch sử, xuyên tạc biểu tượng, kích động kỳ thị có thể lan nhanh, làm suy giảm niềm tin và tăng phân cực xã hội.

Từ góc nhìn tâm lý xã hội, khi nhu cầu được công nhận tăng mà nguồn lực tự trọng nội tại chưa vững, cá nhân dễ dựa vào biểu tượng ngoại để định giá bản thân. Hơn nữa, toàn cầu hóa đang làm thay đổi cách sinh viên nhìn về truyền thống - từ nguồn gốc đạo đức sang nguồn lực sáng tạo và kinh tế. Trong bối cảnh này, năng lực chọn lọc nội dung, năng lực kiểm chứng thông tin, năng lực đối thoại dựa trên chứng cứ, và tôn trọng chuẩn mực ngôn ngữ trở thành những thành tố quan trọng của bản lĩnh bản sắc và trách nhiệm văn hóa thiết thực của sinh viên trong kỷ nguyên số.

Những xu thế trên đặt ra nhiều vấn đề cấp thiết trong nhận thức và trách nhiệm của sinh viên đối với bản sắc văn hóa dân tộc. Về nhận thức, sinh viên cần phân biệt rõ giữa hội nhập và hòa tan, giữa tiếp thu có chọn lọc và bắt chước máy móc, giữa hiện đại hóa và tây phương hóa. Họ cần nhận diện được các cơ chế thao túng hành vi tiêu dùng văn hóa, hiểu rằng việc bảo vệ bản sắc không phải là khép kín mà là duy trì năng lực tự định nghĩa và tự định hướng trong dòng chảy toàn cầu. Về trách nhiệm, sinh viên không chỉ là người thụ hưởng văn hóa mà còn là chủ thể sản xuất và lan truyền nội dung. Mỗi lựa chọn xem, chia sẻ, bình luận đều góp phần định hình môi trường văn hóa số. Trách nhiệm này đòi hỏi tính tự giác cao: kiểm chứng trước khi lan truyền, sử dụng ngôn ngữ văn minh, tôn trọng khác biệt, và chủ động tham gia các không gian đối thoại xây dựng.

2.3. Nhận thức của sinh viên về bản sắc văn hóa dân tộc trong bối cảnh mới

Nhận thức của sinh viên về bản sắc đang dịch chuyển từ thụ động sang chủ động. Nhiều sinh viên muốn hiểu bản sắc bằng lý giải khoa học, họ đặt câu hỏi về nguồn gốc, chức năng xã hội và ý nghĩa đạo đức của một phong tục hay một chuẩn mực. Khi được cung cấp tri thức và trải nghiệm,

họ sẵn sàng bảo vệ bản sắc theo cách hiện đại, nghĩa là biết giải thích, biết thuyết phục và biết sáng tạo.

Một đặc điểm nổi bật là tự hào gắn với khát vọng phát triển. Sinh viên thường liên kết lòng tự hào với hình ảnh đất nước sáng tạo, năng lực khoa học, năng lực cạnh tranh và hình ảnh Việt Nam văn minh. Đây là động lực tích cực, giúp bản sắc gắn với tương lai.

Có thể thấy sự phân mảnh căn tính giữa đời sống gia đình và đời sống trực tuyến. Một số sinh viên giữ nếp truyền thống trong gia đình, nhưng biểu diễn bản thân theo chuẩn mực khác trên mạng để phù hợp nhóm bạn và để được công nhận. Sự phân mảnh đôi khi giúp thích nghi, nhưng cũng có thể tạo căng thẳng nội tâm, làm tăng mệt mỏi tâm lý và giảm tính nhất quán đạo đức.

Một xu hướng khác là thực dụng hóa biểu tượng. Việc dùng chất liệu truyền thống trong thời trang, truyền thông và kinh doanh có thể góp phần làm sống di sản nếu đi kèm hiểu biết, tôn trọng nguồn gốc và chia sẻ lợi ích với cộng đồng chủ thể. Nhưng nếu chỉ dùng để câu chú ý, biểu tượng bị rỗng và có thể gây phản cảm. Điều quan trọng là sinh viên phải phân biệt giữa sáng tạo có đạo đức và chiếm dụng văn hóa. Nhận thức đúng sẽ dẫn đến hành vi đúng, giúp thị trường văn hóa phát triển mà không làm tổn thương ý nghĩa thiêng liêng và ý nghĩa cộng đồng của di sản.

Sinh viên cũng nhạy cảm hơn với công bằng văn hóa. Họ phản đối kỳ thị vùng miền, miệt thị văn hóa địa phương, và xâm phạm quyền riêng tư. Đây là nền tảng để xây dựng văn hóa tôn trọng. Tuy nhiên, trong môi trường số, tranh luận dễ bị kích động bởi nhãn dán và cảm xúc. Khi thiếu kỹ năng đối thoại, công bằng văn hóa có thể bị hiểu lệch thành cuộc đối đầu.

2.4. Trách nhiệm của sinh viên về bản sắc văn hóa dân tộc trong bối cảnh mới

Trách nhiệm của sinh viên trước hết là trách nhiệm tri thức. Bản sắc muốn bền phải dựa trên hiểu biết. Sinh viên cần tích lũy nền tảng về lịch sử, văn học, nghệ thuật, phong tục và pháp luật liên quan đến di sản, để có khả năng phân biệt giữa giá trị cốt lõi và tập quán lạc hậu, giữa tín ngưỡng lành mạnh và mê tín trục lợi, giữa sáng tạo và xuyên tạc.

Trách nhiệm tiếp theo là thực hành văn hóa trong đời sống và học thuật. Bản sắc không chỉ ở

ngghi lễ mà ở cách nói năng, cách tôn trọng người khác, cách giữ lời hứa, cách hợp tác và cách ứng xử khi bất đồng. Trong đại học, thực hành văn hóa còn là liêm chính học thuật, tôn trọng bản quyền, không gian lận và biết tranh luận văn minh.

Một phương diện ngày càng quan trọng là trách nhiệm truyền thông. Sinh viên vừa là người tiêu thụ vừa là người sản xuất nội dung. Mỗi lượt chia sẻ có thể góp phần củng cố hoặc làm tổn thương hình ảnh văn hóa. Vì vậy, sinh viên cần thói quen kiểm chứng, thói quen đặt câu hỏi về nguồn, về bối cảnh, về động cơ, và thói quen sửa sai. Đồng thời, sinh viên cần tránh ngôn ngữ thù ghét, tránh xúc phạm niềm tin và biểu tượng, và tránh biến khác biệt văn hóa thành cái cớ để công kích.

Sinh viên cũng có trách nhiệm sáng tạo và tham gia cộng đồng. Sáng tạo giúp truyền thống có sức hấp dẫn, còn cộng đồng giúp bản sắc có nơi trú. Sinh viên có thể tham gia câu lạc bộ văn hóa, dự án số hóa di sản, hoạt động tình nguyện tại làng nghề, chương trình giao lưu liên văn hóa, hoặc nghiên cứu khoa học về văn hóa địa phương.

2.5. Giải pháp từ góc độ tâm lý xã hội và giáo dục đại học

Để phát huy vai trò của sinh viên trong bảo vệ bản sắc, cần đồng thời tạo động lực, tạo năng lực và tạo môi trường. Về động lực, giáo dục cần giúp sinh viên thấy rằng bản sắc không đối lập với hội nhập, mà là điều kiện để hội nhập có bản lĩnh. Khi sinh viên nhận ra bản sắc là vốn văn hóa giúp họ khác biệt tích cực trong học thuật và nghề nghiệp, động lực gìn giữ sẽ chuyển từ nghĩa vụ sang nhu cầu tự thân.

Về năng lực, nhà trường cần tích hợp giáo dục bản sắc với năng lực công dân số. Học phần kỹ năng truyền thông số và tư duy phản biện cần gắn với nội dung văn hóa, để sinh viên vừa học cách kiểm chứng thông tin lịch sử, vừa học cách ứng xử văn minh trong tranh luận. Dạy theo tình huống là cách hiệu quả. Sinh viên được đặt vào tình huống một tin nóng về di sản lan truyền, một clip cắt ngữ cảnh gây phẫn nộ, hoặc một trào lưu chế giễu truyền thống.

Nhà trường cũng cần xây dựng hệ sinh thái văn hóa học đường. Hệ sinh thái này gồm không gian đọc và thảo luận, hoạt động nghệ thuật và thể thao, câu lạc bộ sáng tạo, và các dự án gắn với di sản địa phương. Thay vì chỉ học lý thuyết, sinh viên cần trải nghiệm. Có thể tổ chức dự án phỏng vấn nhân chứng, dự án số hóa tư liệu, triển lãm

ảnh lịch sử, hoặc sản phẩm truyền thông song ngữ giới thiệu văn hóa địa phương.

Ở cấp độ nhóm, cần chú trọng thiết kế văn hóa lớp và văn hóa câu lạc bộ. Chuẩn mực nhóm có sức mạnh lớn đối với hành vi. Nhà trường và tổ chức sinh viên có thể khuyến khích chuẩn mực tích cực bằng cơ chế ghi nhận, bằng sân chơi học thuật, và bằng việc đề cao liêm chính. Khi một nhóm coi trọng trung thực, tôn trọng tiếng Việt và tôn trọng khác biệt, cá nhân sẽ dễ nội tâm hóa giá trị.

Về môi trường rộng hơn, cần tăng phối hợp giữa nhà trường, gia đình, cơ quan văn hóa và doanh nghiệp công nghệ. Gia đình tạo nền nếp và điểm tựa, cơ quan văn hóa cung cấp nguồn dữ liệu đáng tin, còn doanh nghiệp công nghệ có thể hỗ trợ công cụ và lan tỏa nội dung tích cực. Sự phối hợp này giúp sinh viên có đường dẫn tới thông tin chuẩn, có cơ hội thực tập trong dự án văn hóa số, và có môi trường để sáng tạo có trách nhiệm.

Trong bối cảnh trí tuệ nhân tạo sinh phát triển, rủi ro giả mạo văn hóa tăng. Sinh viên cần năng lực nhận diện deepfake, hiểu dữ liệu huấn luyện thiên lệch, và tôn trọng bản quyền khi dùng công cụ tạo nội dung. Nhà trường nên ban hành quy tắc liêm chính số, yêu cầu minh bạch việc sử dụng công cụ, đồng thời khuyến khích AI phục dựng tư liệu, dịch thuật, thuyết minh di sản và thiết kế học liệu.

Cuối cùng, cần coi sức khỏe tinh thần là một phần của bảo vệ bản sắc. Khi sinh viên căng thẳng và cô đơn, họ dễ tìm kiếm sự thừa nhận bằng cách chạy theo tương tác hoặc tham gia cộng đồng độc hại. Hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể thao và tình nguyện giúp tăng liên kết, tăng ý nghĩa sống và giảm rủi ro lệch chuẩn.

III. KẾT LUẬN

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và công nghệ số, bản sắc văn hóa dân tộc của sinh viên Việt Nam vừa đứng trước cơ hội lớn vừa đối diện thách thức phức tạp. Cơ hội nằm ở khả năng tiếp cận tri thức, giao lưu và sáng tạo để làm sống di sản trong đời sống hiện đại. Thách thức nằm ở sức ép đồng hóa, thương mại hóa biểu tượng, phân mảnh trải nghiệm và thao túng cảm xúc trong môi trường số. Từ góc độ tâm lý xã hội, bản sắc là quá trình kiến tạo, vì vậy bảo vệ bản sắc là tăng cường năng lực lựa chọn giá trị, năng lực thực hành chuẩn mực và năng lực tự chủ.

Sinh viên với vai trò chủ thể của thời đại số cần gắn nhận thức với trách nhiệm tri thức, trách nhiệm thực hành, trách nhiệm truyền thông và trách nhiệm cộng đồng. Khi giáo dục đại học kiến tạo được hệ sinh thái văn hóa học đường, khi gia đình và xã hội đồng hành, và khi công nghệ được sử dụng để lan tỏa nội dung tích cực, bản sắc văn hóa sẽ không chỉ được giữ gìn mà còn được làm giàu.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam. 2014. Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 09/06/2014 về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước.

Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, 2026. Nghị quyết Số 80/NQ-TW ngày 7/1/2026 về Phát triển văn hóa Việt Nam.

Thủ tướng Chính phủ. 2020. Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/06/2020 phê duyệt Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

UNESCO. 2005. Convention on the Protection and Promotion of the Diversity of Cultural Expressions. Thông qua ngày 20/10/2005.

Hall, Stuart. 1996. Who Needs Identity? Trong Questions of Cultural Identity. Biên tập Stuart Hall và Paul du Gay. SAGE.

Tajfel, Henri và Turner, John C. 1979. An integrative theory of intergroup conflict. Trong The Social Psychology of Intergroup Relations. Biên tập William G. Austin và Stephen Worchel. Brooks Cole Publishing Company.

Castells, Manuel. 2010. The Rise of the Network Society. Second edition with a new preface. Wiley Blackwell.